

Bản án số: 1120/2024/HC-PT

Ngày: 27-9-2024

V/v "khiếu kiện quyết định hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khương

Các Thẩm phán:

Ông Trần Văn Đạt

Bà Nguyễn Thị Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 396/2024/TLPT-HC ngày 02 tháng 5 năm 2024, về việc "khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 25/2024/HC-ST ngày 29-01-2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2880/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Bùi Trúc L, sinh năm 1969.

Địa chỉ: C T, Khu phố C, thị trấn T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Trần L.

Địa chỉ: Căn hộ A Chung cư P, Số B đường H, phường P, Quận G, TP H. (có mặt).

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T

Cùng địa chỉ: A T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt, có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Hồ Thanh P – Phó trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T (vắng mặt);

Ông Trương Văn T – Phó trưởng Phòng Tiếp dân thuộc Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T (có mặt).

Ông Huỳnh T1 – Nhân viên Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng thành phố T (vắng mặt);

- **Người có kháng cáo:** Người khởi kiện ông Bùi Trúc L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Người khởi kiện ông Bùi Trúc L trình bày:*

Ông Bùi Trúc L có diện tích đất 1.240m² thuộc thửa số 154 và một phần thửa 153, 155, tờ bản đồ số 32 (TL 02/CT-UB) tọa lạc tại phường T, Quận I (nay là thành phố T). Diện tích đất này bị thu hồi để thực hiện Dự án Khu công nghệ cao, nhưng Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường không thỏa đáng, nên ông Bùi Trúc L khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định sau:

- Quyết định số 2491/QĐ-UBND ngày 19/10/2009 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Bùi Trúc L;

- Quyết định 1370/QĐ-UBND ngày 12/10/2012 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc công bố giá trị bồi thường cho hộ ông Bùi Trúc L;

- Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 18/4/2014 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 2491/QĐ-UBND ngày 19/10/2009;

- Quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 25/11/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I về việc giải quyết khiếu nại đối với Quyết định số 2491/QĐ-UBND;

- Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 25/11/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I về việc giải quyết khiếu nại đối với Quyết định 1370/QĐ-UBND;

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận I (nay là thành phố T) tính lại giá bồi thường vật kiến trúc, tài sản trên đất theo đơn giá quy định tại Quyết định số 66/2012/QĐ-UBND về biểu giá chuẩn về suất vốn đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận I (nay là thành phố T) bồi thường theo đơn giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm và hỗ trợ bằng 30% đến 70% đơn giá đất ở đối với diện tích đất bị thu hồi.

- Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Bùi Trúc L bị thu hồi đất trong khu ranh trong Khu Công nghệ cao;

- Quyết định số 336/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Trúc L;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường đất đai đã thu hồi của ông theo đúng quy định của pháp luật.

** Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T trình bày:*

- Quyết định số 2666/QĐ-UB ngày 27/6/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc thu hồi và giao đất xây dựng Khu Công nghệ cao thành phố;

- Quyết định số 2193/QĐ-UB ngày 19/5/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc thu hồi, giao đất bổ sung và xác định tổng diện tích đất giao cho Ban Q. Theo đó, vị trí, ranh giới được xác định tại Bản đồ hiện trạng, vị trí được Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt số 18426/GĐ-TNMT ngày 22 tháng 4 năm 2002.

** Về áp dụng chính sách:*

- Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ về đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và các văn bản liên quan trong từng thời điểm - Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành các quyết định thực hiện chính sách, chế độ về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và trong quá trình thực hiện luôn chú trọng xem xét yêu cầu thực tiễn để điều chỉnh, bổ sung, hỗ trợ nhằm giúp người dân nằm trong phạm vi giải tỏa di dời ổn định đời sống, đẩy nhanh tiến độ thu hồi mặt bằng. Cụ thể bằng các quyết định:

- Quyết định số 121/2002/QĐ-UB ngày 01/11/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc ban hành quy định về đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong khu quy hoạch xây dựng Khu Công nghệ cao thành phố tại Quận I, thành phố Hồ Chí Minh.

- Công văn số 3194/UBND-ĐTMT ngày 29/5/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về giải quyết kiến nghị của Ủy ban nhân dân Quận I trong khu quy hoạch xây dựng Khu Công nghệ cao thành phố tại Quận I.

- Công văn số 3867/UBND-ĐTMT ngày 25/6/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về giải quyết kiến nghị của Ủy ban nhân dân Quận I trong khu quy hoạch xây dựng Khu Công nghệ cao thành phố tại Quận I.

Thông báo số 370/TB-VPCP ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Văn phòng C ban hành về ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hòa B về giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến dự án Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 4624/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về phê duyệt đơn giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với phần diện tích 40,997ha nằm trong ranh khu Công nghệ cao Quận I.

- Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về phê duyệt đơn giá đất ở các vị trí hẻm còn lại để tính bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích 40,997ha nằm trong ranh quy hoạch khu Công nghệ cao, Quận I.

- Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về phê duyệt chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung đối với hộ gia đình, cá nhân, tổ chức bị thu hồi đất thuộc phần diện tích 40,997ha nằm trong ranh khu Công nghệ cao theo kết luận của Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hòa B tại Thông báo số 370/TB-VPCP ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Văn phòng C.

Từ những cơ sở trên, Ủy ban nhân dân Quận I (nay là thành phố T) ban hành Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2020 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I (nay là thành phố T) ban hành Quyết định số 336/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2021 đối với hộ ông Bùi Trúc L là đúng theo trình tự, thủ tục, chính sách và phù hợp theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân thành phố T xác định tại thời điểm lập hồ sơ bồi thường và ban hành các quyết định hành chính bị kiện thì hộ ông Bùi Trúc L chỉ có duy nhất ông Bùi Trúc L. Ủy ban nhân dân thành phố T đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Trúc L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 25/2024/HC-ST ngày 29-01-2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Trúc L về các đề nghị sau:

- Hủy Quyết định số 2491/QĐ-UBND ngày 19/10/2009 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Bùi Trúc L;

- Hủy Quyết định 1370/QĐ-UBND ngày 12/10/2012 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc công bố giá trị bồi thường cho hộ ông Bùi Trúc L;

- Hủy Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 18/4/2014 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 2491/QĐ-UBND ngày 19/10/2009;

- Hủy Quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 25/11/2014 của Chủ tịch I về việc giải quyết khiếu nại đối với Quyết định số 2491/QĐ-UBND;

- Hủy Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 25/11/2014 của Chủ tịch I về việc giải quyết khiếu nại đối với Quyết định 1370/QĐ-UBND;

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận I (nay là thành phố T) tính lại giá bồi thường vật kiến trúc, tài sản trên đất theo đơn giá quy định tại Quyết định số 66/2012/QĐ-UBND về biểu giá chuẩn về suất vốn đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận I (nay là thành phố T) bồi thường theo đơn giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm và hỗ trợ bằng 30% đến 70% đơn giá đất ở đối với diện tích đất bị thu hồi;

- Hủy Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Bùi Trúc L bị thu hồi đất trong khu ranh trong Khu Công nghệ cao;

- Hủy Quyết định số 336/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Trúc L;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường đất đai đã thu hồi của ông Bùi Trúc L theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Ngày 06/02/2024, Tòa án nhân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được đơn kháng cáo đề ngày 05/01/2024 của ông Nguyễn Trúc L1 đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị kiện cho rằng: Ủy ban nhân dân Quận I (nay là thành phố T) ban hành Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2020 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I (nay là thành phố T) ban hành Quyết định số 336/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2021 đối với hộ ông Bùi Trúc L là đúng theo trình tự, thủ tục, chính sách và phù hợp theo quy định của pháp luật nên đề nghị Tòa án bác yêu cầu kháng cáo của ông L.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Căn cứ vào những tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án và trình bày của các bên đương sự, có cơ sở xác định: Ông Bùi Trúc L bị thu hồi diện tích 1.240m² đất, thuộc thửa đất số 154, một phần thửa đất số 153, 155, tờ bản đồ số 32 (TL 02/CT-UB) tại phường T, Quận I (nay là thành phố T) để thực hiện Dự án xây dựng Khu Công nghệ cao Quận I, Ủy ban nhân dân thành phố T đã bồi thường cho gia đình ông L tổng số tiền 824.271.000 đồng, sau đó đã bồi thường, hỗ trợ bổ sung 02 lần cho gia đình ông L với số tiền 260.280.000 đồng và 33.266.040 đồng. Ngoài ra, gia đình ông L được bố trí 01 nền đất tái định cư diện tích 103,6m² tại đường M là có căn cứ, đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông L. Nên đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1]. Đơn kháng cáo của ông Bùi Trúc L là trong hạn luật định hợp lệ nên được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

** Về nội dung:*

[2]. Diện tích đất của ông Bùi Trúc L bị thu hồi để thực hiện Dự án Khu công nghệ cao có diện tích là 1.240m² thuộc thửa số 154 và một phần thửa 153, 155, tờ bản đồ số 32 (TL 02/CT-UB) tọa lạc tại phường T, Quận I (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 19/10/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I ban hành Quyết định số 2491/QĐ-U về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Bùi Trúc L. Trong đó, Ủy ban nhân dân Quận I bồi thường cho ông L 41,28m² đất ở

mặt tiền đường M với đơn giá 1.200.000đ/m²; bồi thường 158,72m² đất ở mặt tiền đường M với đơn giá 1.140.000đ/m² (-20% TSDĐ); bồi thường 200m² đất trồng khuôn viên mặt tiền đường M với đơn giá 300.000đ/m² x hệ số 1,5; bồi thường 840m² đất trồng cây lâu năm mặt tiền đường M với đơn giá 200.000đ/m² x hệ số 1,5; bồi thường vật kiến trúc khác, các khoản hỗ trợ khác; hỗ trợ 200m² đất khuôn viên với đơn giá 200.000đ/m²; hỗ trợ 840m² đất nông nghiệp với đơn giá 160.000đ/m². Hộ ông Bùi Trúc L đủ điều kiện tái định cư một nền đất.

Ngày 12/10/2012, Ủy ban nhân dân Quận I ban hành Quyết định số 1370/QĐ-UBND-BBT về việc công bố giá trị hỗ trợ đất ở bổ sung cho ông Bùi Trúc L. Theo đó, Ủy ban nhân dân Quận I hỗ trợ giá trị đất ở diện tích 96,40m² với đơn giá 2.700.000đ/m² (ông Bùi Trúc L đã được bố trí một nền đất diện tích 103,6m²).

Ngày 18/4/2014, Ủy ban nhân dân Quận I ban hành Quyết định số 225/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 2491/QĐ-UBND-BBT ngày 19/10/2009 của Ủy ban nhân dân Quận I (Lý do: Hộ ông Bùi Trúc L là gia đình liệt sĩ nên được điều chỉnh giá trị bồi thường 250m² đất ở).

Ngày 18/11/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I ban hành Quyết định số 227/QĐ-UBND và Quyết định số 228/QĐ-UBND bác toàn bộ khiếu nại của ông Bùi Trúc L đối với Quyết định số 2491/QĐ-UBND-BBT, Quyết định số 225/QĐ-UBND và Quyết định số 1370/QĐ-UBND-BBT của Ủy ban nhân dân Quận I.

Thực hiện Thông báo số 370/TB-VPCP của Văn phòng C về ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến Dự án Khu công nghệ cao, vào ngày 18/02/2020, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 563/QĐ-UBND phê duyệt chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung đối với các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức bị thu hồi đất thuộc phần diện tích 40,997ha nằm trong ranh quy hoạch Dự án Khu công nghệ cao, trong đó có hộ ông Bùi Trúc L.

Ngày 30/7/2020, Ủy ban nhân dân Quận I ban hành Quyết định số 273/QĐ-UBND về việc bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Bùi Trúc L. Cụ thể: Tăng đơn giá bồi thường đất ở mặt tiền đường M lên 9.842.000đ/m²; Tăng đơn giá bồi thường đất nông nghiệp trồng cây lâu năm mặt tiền đường M lên 1.100.000đ/m²; Đơn giá nền tái định cư tại khu tái định cư M là 15.101.000đ/m². Thêm tiền hỗ trợ lãi suất ngân hàng và chậm chi trả. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ hộ ông Bùi Trúc L được nhận bổ sung là 4.669.571.966 đồng.

[3]. Tại Mục 2 Thông báo số 370/TB-VPCP ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Văn Phòng C về ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo có liên quan đến Dự án Khu công nghệ cao có nội dung: “*Đối với diện tích 40,997ha nằm trong ranh quy hoạch dự án KCNC Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ:*

- Diện tích đất được thu hồi theo quy hoạch, theo các dự án phục vụ cho KCN Thành phố H nên không xem xét giao lại cho các hộ dân bị thu hồi đất mà xem xét giải quyết bồi thường hỗ trợ tái định cư theo quy định của pháp luật.

- Ủy ban nhân dân Thành phố H thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho các hộ dân bị thu hồi đất tính từ thời điểm ban hành Quyết định 458/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ theo đúng quy định pháp luật.”

[4]. Như vậy, Ủy ban nhân dân thành phố T đã bồi thường, hỗ trợ bồi thường cho gia đình ông L như đã nêu trên là có căn cứ, đã đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông L. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L là có căn cứ. Ông L kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm nhưng không có tình tiết nào mới nên không được chấp nhận.

[5]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[6]. Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông L không được chấp nhận nên ông L phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Trúc L.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 25/2024/HC-ST ngày 29-01-2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Luật Đất đai 2003; Luật Đất đai 2013; Luật giải quyết khiếu nại; Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Trúc L về đề nghị hủy Quyết định số 2491/QĐ-UBND ngày 19/10/2009 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Bùi Trúc L; Quyết định 1370/QĐ-UBND ngày 12/10/2012 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc công bố giá trị bồi thường cho hộ ông Bùi Trúc L; Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 18/4/2014 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 2491/QĐ-UBND ngày 19/10/2009; Quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 25/11/2014 của Chủ tịch I về việc giải quyết khiếu nại đối với Quyết định số 2491/QĐ-UBND; Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 25/11/2014 của Chủ tịch I về việc giải quyết khiếu nại đối với Quyết định 1370/QĐ-UBND; Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Bùi Trúc L bị thu hồi đất trong khu

ranh trong Khu Công nghệ cao; Quyết định số 336/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Trúc L; buộc Ủy ban nhân dân Quận I (nay là thành phố T) tính lại giá bồi thường vật kiến trúc, tài sản trên đất theo đơn giá quy định tại Quyết định số 66/2012/QĐ-UBND về biểu giá chuẩn về suất vốn đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận I (nay là thành phố T) bồi thường theo đơn giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm và hỗ trợ bằng 30% đến 70% đơn giá đất ở đối với diện tích đất bị thu hồi.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Bùi Trúc L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số: 0032523 ngày 06/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại TPHCM;
- TAND TPHCM;
- Cục THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP, ĐTTB (15b).

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Khương